

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2024/HS-ST**

Ngày 27/3/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhâm và ông Tô Minh Hoan.

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thụy - Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **02/2024/TLST-HS** ngày 25 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **07/2024/QĐXXST-HS** ngày 12 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Văn C, sinh ngày: 13/3/1976, tại huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Mường; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; con ông Bùi Văn L (đã chết); con bà: Bùi Thị H, sinh năm: 1952; Có vợ (đã ly hôn) và có 01 con.

Tiền án: Ngày 12/8/2020 bị Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/5/2018 bị Trưởng Công an huyện L, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt hành chính (phạt tiền) về hành vi đánh nhau.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 18/10/2023, tạm giam ngày 20/10/2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

* Đại diện hợp pháp của bị hại:

Bà: Ngô Thị M, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà: Hứa Thị N, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Người làm chứng:

Ông: Phạm Văn T, sinh năm: 1969. Có mặt.

Chị: Quan Thị T1, sinh năm: 1983. Vắng mặt (không có lý do).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Ông: Quan Văn H1, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 12/10/2021 sau khi uống rượu tại nhà anh Phạm Văn T, địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn N, huyện N, Hoàng Văn Đ nhờ Bùi Văn C trở về nhà, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22F1-6141, màu sơn đỏ, đen (xe mượn của ông Bùi Văn T2 và bà Hứa Thị N) chở Đ đi theo đường ĐT 185 hướng từ cây xăng tổ dân phố F, thị trấn N, huyện N đến cầu B thuộc tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, đi cách nhà anh T khoảng 200m đến đoạn đường đang thi công sửa chữa có nhiều sỏi, đá dăm do không chú ý quan sát và làm chủ tay lái nên bị cáo đã đâm vào cục bê tông đặt giáp lề đường trái làm xe mô tô đổ ra đường, hậu quả làm C và Đ ngã xuống đường. Sau đó C và Đ được người dân đưa đến Trung tâm y tế huyện N cấp cứu, do vết thương nhẹ không phải điều trị nên C đi về nhà anh T ngủ nhờ, đối với Đ do vết thương nặng đã được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh T điều trị, khoảng 07 giờ ngày 14/10/2021 Đ đã tử vong tại nhà riêng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 13/10/2021: Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường ĐT 185 thuộc tổ dân phố F, thị trấn N, huyện N, đoạn đường trên đang trong giai đoạn thi công, mặt đường gồ ghề có nhiều sỏi, đá. Cách khoảng 500m về hướng cầu B và cách khoảng 400m về hướng cây xăng tổ dân phố F có cắm 02 biển báo công trường đang thi công hạn chế tốc độ, trên đường không có hệ thống đèn điện chiếu sáng, tại hiện trường không có dấu vết va chạm với phương tiện giao thông khác.

Tại hiện trường các dấu vết tập trung tại lề đường phải theo hướng khám nghiệm từ cầu B tổ dân phố A, thị trấn N về hướng cây xăng tổ dân phố F, thị trấn N.

Vị trí số 1 trên hiện trường là mũ bảo hiểm màu đen, loại mũ $\frac{1}{2}$ đầu, cách mép đường phải 2,90 m.

Cách vị trí số 1 theo hướng khám nghiệm 03 m là vùng dịch màu nâu đỏ kích thước 40 x 30 cm, tâm vùng dịch cách mép đường phải 2,40 m là vị trí số 2.

Cách vị trí số 2 theo hướng khám nghiệm, chệch chéo về hướng lề đường phải là trục sau bên phải xe mô tô biển kiểm soát 22F1-6141, xe mô tô nằm đổ nghiêng bên trái, đầu xe quay hướng đường QL 279, đuôi xe quay hướng tổ dân phố 14, trục sau của xe mô tô cách mép đường phải 1,8 m, trục trước cách mép đường phải 1,30 m, ngoài ra phát hiện 01 đôi dép nhựa màu xanh, là vị trí số 3.

Cách vị trí số 3 theo hướng khám nghiệm, chệch chéo hướng lòng đường phát hiện vùng dịch màu nâu đỏ đã khô, kích thước 05 x 10 cm, cách mép phải đường 2,65 m, là vị trí số 4.

Cách vị trí số 4, 02 m theo hướng chiều khám nghiệm hiện trường phát hiện 01 khối bê tông bị gãy vỡ, kích thước 40 x 20 x 30 cm, khối bê tông hình thang, tại vị trí bị gãy vỡ phát hiện vết trầy xước, bong tróc bê tông, tại vị trí bong tróc có vết bám sơn màu đỏ và màu đen, là vị trí số 5, cách mép đường phải là 1,90m cách trục trước bên phải xe mô tô 1,35 m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện:

Các dấu vết mài trượt xước xe mô tô biển số 22F1-6141 do tai nạn giao thông gây ra tập trung ở phần vỏ ốp đèn chiếu sáng và ốp mặt nạ đèn chiếu sáng của xe mô tô, mép ngoài bên phải vành xe phía trước bị móp méo.

Kết quả xác minh, trưng cầu giám định:

Tại phiếu xét nghiệm nồng độ cồn lập hồi 08 giờ 45 phút ngày 13/10/2021 của Công an huyện N, đối với Bùi Văn C, xác định nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo là 0,933mg/L.

Xác minh tại Sở giao thông vận tải tỉnh T, xác định: Bị cáo không có giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 189/TT21 ngày 10/11/2021 của Phòng K Công an tỉnh Tuyên Quang, giám định nguyên nhân tử vong của Hoàng Văn Đ kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định: Vùng mặt, ngực, hai tay, chân phải có các vết sây sát đã đóng vảy khô; Chấn thương sọ não, vùng đầu, mặt sưng nề, biến dạng. Chụp cắt lớp vi tính sọ não thấy hình ảnh máu tụ dưới màng cứng diện rộng, bán cầu đại não phải đè ép nhu mô não phía trong, chảy máu dọc liềm đại não, xuất huyết dưới nhện rải rác bán cầu

đại não hai bên, đường giữa di lệch sang trái 16 mm, vỡ lún thành trước xoang trán trái; đã phẫu thuật lấy khối máu tụ, giải toả não vùng trán đỉnh thái dương phải.

Nguyên nhân chết: Là do chấn thương sọ não.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai và thừa nhận về hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo.

Cáo trạng số: **05/CT-VKSNH** ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

Tuyên bố bị cáo: Bùi Văn C phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS.

Xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 18/10/2023, về hình phạt bổ sung không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 357; khoản 2 Điều 468; 584; 585; 586; 591 và Điều 601 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Ngô Thị M tổng số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra đề nghị xử lý vật chứng, nếu bị cáo có đơn xin miễn nộp tiền án phí sơ thẩm thì đề nghị áp dụng cho bị cáo và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự bị cáo nhất trí bồi thường cho bà M số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Đại diện hợp pháp của bị hại bà Ngô Thị M về tội danh nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, về hình phạt do bị cáo có con nhỏ cũng vì tình người tôi đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự tôi đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho tôi số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, chịu sự trừng phạt của pháp luật, bị cáo mong HĐXX cho bị cáo được mức án nhẹ nhất để sớm quay trở lại cộng đồng và lao động để bồi thường cho bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 12/10/2021 sau khi uống rượu tại nhà anh Phạm Văn T, Đ nhờ C trở về nhà, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22F1-6141, màu sơn đỏ, đen chở Đ đi theo đường ĐT 185 hướng từ cây xăng tổ dân phố F, thị trấn N, huyện N đến cầu B thuộc tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, đến đoạn đường đang thi công sửa chữa có nhiều sỏi, đá dăm do không chú ý quan sát và làm chủ tay lái nên bị cáo đã đâm vào cục bê tông đặt giáp lề đường trái làm xe mô tô đổ ra đường, làm C và Đ ngã xuống đường, hậu quả Hoàng Văn Đ đã tử vong.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, việc để xảy ra tai nạn là do lỗi của bị cáo, bị cáo không tuân thủ các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, không có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định của pháp luật, không chấp hành các quy định của Luật giao thông đường bộ để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông. Như vậy bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Từ vi phạm này bị cáo đã gây thiệt hại tới tính mạng, sức khỏe của người khác, hậu quả làm anh Hoàng Văn Đ tử vong.

Hành vi của bị cáo không những xâm hại đến tính mạng của người khác mà còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội và đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của BLHS.

[1.1] Về hành vi uống rượu khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ của bị cáo, HĐXX xét thấy các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như những lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã được đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện, chưa đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của BLHS, do đó HĐXX không xem xét về xử lý về hành vi này.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội trong khi chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, do đó HĐXX xét thấy phải áp dụng đoạn 1 điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 của BLHS đối với bị cáo.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra phải ra Quyết định truy nã đối với bị cáo; gây khó khăn trong việc điều tra, truy tố, xét xử. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu, chưa bồi thường trách nhiệm dân sự. Các tình tiết trên không được coi là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên HĐXX xét thấy

cần phải xem xét, đánh giá ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo để khi lượng hình đưa ra một mức án phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, do đó HĐXX xét thấy cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại đã đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, HĐXX xét thấy đề nghị của bà M là hợp tình, hợp lý do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 51 của BLHS xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện hợp pháp của bị hại bà Ngô Thị M yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà tổng số tiền là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) trong đó tiền mai táng phí là 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng), tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần là 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng). Quá trình xét hỏi bị cáo nhất trí bồi thường 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) theo yêu cầu của bà M. HĐXX xét thấy đây là những yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật do đó buộc bị cáo phải bồi thường cho bà M số tiền nêu trên.

Về áp dụng biện pháp bảo đảm việc bồi thường: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại không đề nghị áp dụng, do đó HĐXX không áp dụng biện pháp bảo đảm việc bồi thường.

Về thiệt hại vật chất của chiếc xe mô tô 22F1-6141 bà Hứa Thị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, do đó HĐXX không xem xét.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 22F1-6141, nhãn hiệu Ladalad, màu đỏ, đen, số máy 1P5FMH704756, số khung CG2MV710004756, xe cũ đã qua sử dụng, xét thấy đây là tài sản của ông T2 và bà N và họ không có lỗi trong việc cho bị cáo mượn xe mô tô do đó cần trả lại cho chủ sở hữu là bà Hứa Thị N.

Đối với 01 khối bê tông kích thước 40x20x30 cm, 01 đôi dép nhựa màu xanh, 01 mũ bảo hiểm kiểu ½ đầu không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về vấn đề khác: Khi cho bị cáo mượn xe mô tô ông Bùi Văn T2 không biết bị cáo không có giấy phép lái xe và ông T2 (đã chết), do đó HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, hộ nghèo của xã N, sau khi được HĐXX giải thích về việc miễn nộp án phí HSST và án phí bồi thường trách nhiệm dân sự, bị cáo đã có đơn xin miễn nộp các loại án phí, do đó HĐXX xét thấy không buộc bị cáo phải nộp các loại án phí nêu trên. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 260; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn C** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 18/10/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 357; 468; 584; 585; 586 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Ngô Thị M tổng số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bản án, Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ các Điều 47 và 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bà Hứa Thị N 01 xe mô tô biển kiểm soát 22F1-6141, nhãn hiệu Ladalad, màu đỏ, đen, số máy 1P5FMH704756, số khung CG2MV710004756, xe cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 khối bê tông kích thước 40x20x30 cm, 01 đôi dép nhựa màu xanh, 01 mũ bảo hiểm kiểu ½ đầu

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang ngày 26 tháng 01 năm 2024).

4. Án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí Hình sự sơ thẩm và án phí bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- CQĐT huyện Na Hang;
- CQTHAHS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Năng Khả.
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trường Giang